UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

Số: 3073 /TB-ĐHSG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2018

THÔNG BÁO
Tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ khóa 19.1 năm 2019

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ, Trường Đại học Sài Gòn thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ khóa 19.1 năm 2019 như sau:

1. CÁC CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH

TT	Chuyên ngành	Mã số		TT	Chuyên ngành	Mã số
1	Quản lý giáo dục	8140114		6	Hóa hữu cơ	8440114
2	Tài chính – Ngân hàng	8340201		7	Lịch sử Việt Nam	8229013
3	Quản trị kinh doanh	8340101		8	Ngôn ngữ học	8229020
4	Toán giải tích	8460102		9	Văn học Việt Nam	8220121
5	LL&PPDH bộ môn Toán	8140111		10	Khoa học máy tính	8480101

Ghi chú: Chuyên ngành Hóa lý thuyết và hóa lý dự kiến tuyển sinh vào khóa 19.2 năm 2019.

2. THỜI GIAN VÀ HÌNH THỨC ĐÀO TẠO

2.1. Thời gian đào tạo: 02 năm.

2.2. Hình thức đào tạo: Chính quy.

3. ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

3.1. Về văn bằng

Người dự thi cần thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a. Đã tốt nghiệp đại học ngành đúng hoặc ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi;

b. Đã tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi và hoàn thành các học phần bổ sung kiến thức theo quy định của Trường Đại học Sài Gòn;

c. Đã tốt nghiệp đại học ngành khác với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi (chỉ áp dụng cho chuyên ngành Quản lý giáo dục và chuyên ngành Quản trị kinh doanh) và hoàn thành các học phần bổ sung kiến thức theo quy định của Trường Đại học Sài Gòn.

Ghi chú:

- Danh sách ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và các học phần bổ sung kiến thức đối với thí sinh tốt nghiệp ngành gần, ngành khác với ngành đăng kí dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ được quy định tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 đính kèm Thông báo này.
- Hội đồng tuyển sinh chấp nhận việc sử dụng Giấy chứng nhận tốt nghiệp đại học tạm thời khi chưa được cấp bằng tốt nghiệp đại học. Nếu trúng tuyển, thí sinh phải nộp bản sao văn bằng có công chứng (có bản gốc để đối chiếu).

- Các văn bằng tốt nghiệp đại học và bảng điểm do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được dịch công chứng sang tiếng Việt và nộp kèm theo văn bản công nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo (xem thông tin về việc đăng ký công nhận văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp tại website: http://cnvb.deta.edu.vn/).

3.2. Về kinh nghiệm công tác chuyên môn

Người dự thi có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp hoặc ngành gần (với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi) được đăng ký dự thi ngay sau khi tốt nghiệp đại học. Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác dự thi vào chuyên ngành Quản lý giáo dục, chuyên ngành Quản trị kinh doanh phải có ít nhất 02 (hai) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự thi.

3.3. Điều kiện bổ sung đối với thí sinh tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác dự thi vào chuyên ngành Quản lý giáo dục

Thí sinh dự thi vào chuyên ngành Quản lý giáo dục có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác phải thuộc một trong các đối tượng sau:

- Người dự thi đang làm việc hoặc được quy hoạch vào một trong các vị trí công tác: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ trưởng, tổ phó chuyên môn (có quyết định bổ nhiệm hoặc văn bản quy hoạch) của các trường từ mầm non trở lên;

- Cán bộ quản lý công tác Đảng trong các cơ sở giáo dục đào tạo; cán bộ quản lý và chuyên viên (làm công tác quản lý giáo dục) của các tổ chức chính trị - xã hội, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố, quận/huyện, sở/phòng giáo dục và đào tạo; cán bộ quản lý, chuyên viên các phòng/ban chức năng của các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề.

3.4. Các điều kiện khác

- Có lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian chấp hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận;

- Có đủ sức khoẻ để học tập;

- Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Trường Đại học Sài Gòn.

4. CÁC MÔN THI TUYỂN SINH

4.1. Môn cơ bản và môn cơ sở (thi theo hình thức tự luận, thời gian thi: 180 phút)

STT	Chuyên ngành	Môn thi tuyển sinh	
		Môn cơ bản	Môn cơ sở
1	Quản lý giáo dục	Lôgic học	Giáo dục học đại cương
2	Tài chính – Ngân hàng	Toán kinh tế	Kinh tế học
3	Quản trị kinh doanh		

4	Toán giải tích	Đại số	Giải tích
5	LL&PPDH bộ môn Toán		
6	Hóa hữu cơ	Cấu tạo chất và cơ sở lý thuyết hóa học	Cơ sở lý thuyết hóa hữu cơ
7	Lịch sử Việt Nam	Triết học	Lịch sử Việt Nam
8	Ngôn ngữ học		Ngôn ngữ học đại cương
9	Văn học Việt Nam	Lý luận văn học	Lịch sử văn học Việt Nam
10	Khoa học máy tính	Toán rời rạc	Tin học cơ sở

4.2. Môn ngoại ngữ

4.2.1. Môn ngoại ngữ: Tiếng Anh (nội dung thi theo quy định hiện hành, thí sinh làm bài thi trên giấy, thời gian thi: 120 phút).

4.2.2. Miễn thi đầu vào môn ngoại ngữ:

a. Thí sinh có năng lực ngoại ngữ thuộc một trong các trường hợp sau đây sẽ được xem xét để miễn thi môn ngoại ngữ:

- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;
- Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;
- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài;
- Có **chứng chỉ** trình độ ngoại ngữ (theo Bảng tham chiếu khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam dưới đây) trong thời hạn 02 năm kể từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận.

Tiếng Anh

Khung năng lực ngoại ngữ VN	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS	CEFR
Cấp độ 3	4.5	450 ITP 133 CBT 45 iBT	450	PET	Preliminary	40	B1

Một số tiếng khác

Khung năng lực ngoại ngữ VN	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật
Cấp độ 3	TRKI 1	DELF B1 TCF niveau 3	B1 ZD	HSK cấp độ 3	JLPT N4

(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)

b. Hồ sơ xin miễn thi môn ngoại ngữ:

- Đơn xin miễn thi môn ngoại ngữ (mẫu có trên website của Phòng Đào tạo Sau đại học), bản sao có công chứng các minh chứng liên quan (có bản gốc để đối chiếu khi nộp đơn).

- Thời hạn nộp hồ sơ xin miễn thi môn ngoại ngữ: đến hết ngày 03/4/2019.

- Danh sách thí sinh được miễn thi môn ngoại ngữ sẽ được thông báo tại bảng tin của Phòng Đào tạo Sau đại học trước khi tổ chức ôn thi.

Ghi chú: Trường Đại học Sài Gòn sẽ tiến hành thẩm định tính xác thực của các văn bằng chứng chỉ ngoại ngữ trước khi công nhận.

5. ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN VÀ MỨC ƯU TIÊN

5.1. Đối tượng ưu tiên

a. Người có thời gian công tác liên tục 02 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, người dự thi phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b. Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c. Con liệt sĩ;

d. Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

e. Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 02 năm trở lên ở địa phương được quy định tại mục a nêu trên;

f. Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được ủy ban nhân dân cấp tỉnh/thành phố công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

5.2. Mức ưu tiên

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng mười điểm vào kết quả thi môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ và cộng một điểm cho môn thi cơ bản (thang điểm 10).

5.3. Hồ sơ xét đối tượng ưu tiên

- Đơn xin xét đối tượng ưu tiên (mẫu có trên website của Phòng Đào tạo Sau đại học), kèm văn bản minh chứng liên quan.

- Thời hạn nộp hồ sơ xét đối tượng ưu tiên: đến hết ngày 03/4/2019.

Danh sách thí sinh thuộc các đối tượng ưu tiên sẽ được thông báo tại bảng tin của Phòng Đào tạo Sau đại học trước khi tổ chức thi tuyển sinh.

6. LỆ PHÍ HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC, ÔN THI VÀ THI TUYỂN SINH

- Hồ sơ tuyển sinh: 120.000đ/1 hồ sơ;
- Lệ phí đăng ký thi và lệ phí thi: 420.000đ/1 thí sinh;
- Lệ phí ôn thi: 1.200.000đ/1 môn thi;
- Lệ phí học bổ sung kiến thức: 288.000đ/1 tín chỉ.

7. THỜI GIAN PHÁT HÀNH/NHẬN HỒ SƠ, HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC, ÔN THI VÀ THI TUYỂN SINH

7.1. Phát hành và nhận hồ sơ đăng ký dự thi

- Thời hạn: Từ ngày **18/12/2018** đến hết ngày **03/4/2019**.

- Địa điểm: Phòng Đào tạo Sau đại học (D003), Trường Đại học Sài Gòn.

Ghi chú: Hội đồng tuyển sinh không nhận hồ sơ qua đường bưu điện.

7.2. Học bổ sung kiến thức

- Thời hạn đăng ký: đến hết ngày 23/01/2019.

- Thời gian học: từ ngày 18/02/2019 đến ngày 24/3/2019.

- Các lớp bổ sung kiến thức được tổ chức học chủ yếu **ngoài giờ hành chính** và khi có đủ số lượng thí sinh đăng ký. Lịch học cụ thể của từng học phần sẽ được thông báo tại trên website của Phòng Đào tạo Sau đại học.

7.3. Ôn thi tuyển sinh

- Thời hạn đăng ký ôn thi: đến hết ngày 03/4/2019;

- Thời gian ôn thi: từ ngày 15/4/2019 đến ngày 12/5/2019 (học chủ yếu vào các ngày Thứ bảy và Chủ nhật);

- Các lớp ôn thi tuyển sinh được tổ chức khi có đủ số lượng thí sinh đăng ký. Lịch ôn thi sẽ được thông báo trên website của Phòng Đào tạo Sau đại học.

7.4. Tổ chức thi tuyển sinh

Dự kiến: ngày 18 và 19 tháng 5 năm 2019.

7.5. Thời gian công bố kết quả tuyển sinh

Dự kiến: tháng 6 năm 2019.

7.6. Thời gian khai giảng khóa học

Dự kiến: tháng 6 năm 2019.

8. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC VÀ HỒ SƠ DỰ THI

8.1. Hồ sơ đăng ký học bổ sung kiến thức

Hồ sơ đăng ký học bổ sung kiến thức bao gồm:

1. Phiếu đăng ký học bổ sung kiến thức (mẫu trên website của Phòng Đào tạo Sau đại học);

2. Bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp đại học và bảng điểm.

8.2. Hồ sơ đăng ký dự thi

Hồ sơ đăng ký dự thi bao gồm:

1. Phiếu đăng ký dự thi (theo mẫu), trong đó cần ghi rõ các thông tin. Nếu thí sinh thuộc diện được cơ quan cử đi học thì trong phiếu đăng ký dự thi phải có xác nhận của cơ quan công tác;

2. Sơ yếu lý lịch (theo mẫu) có xác nhận của cơ quan công tác hoặc chính quyền địa phương nơi thí sinh cư trú;

3. Bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp đại học và bảng điểm đại học;

4. Phiếu điểm học bổ sung kiến thức do Trường Đại học Sài Gòn cấp (nếu thí sinh thuộc diện phải học bổ sung kiến thức);

5. Giấy chứng nhận sức khỏe do bệnh viện đa khoa cấp không quá 06 tháng tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi;

6. Bản sao có công chứng các minh chứng liên quan đến thời gian làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự thi đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác dự thi vào chuyên ngành Quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành Quản lý giáo dục (quyết định tuyển dụng, hợp đồng lao động hoặc các văn bản khác để chứng nhận thời gian công tác trong lĩnh vực đăng ký dự thi);

7. Bản sao có công chứng các minh chứng về vị trí công tác hoặc vị trí quy hoạch đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác dự thi vào chuyên ngành Quản lý giáo dục (quyết định bổ nhiệm, văn bản quy hoạch hoặc các văn bản khác có liên quan);

8. Hồ sơ miễn thi môn ngoại ngữ và xét đối tượng ưu tiên (nếu có nguyện vọng);

9. Hai phong bì có ghi rõ họ tên, địa chỉ, số điện thoại của thí sinh;

10. Bốn ảnh màu cỡ 3 x 4 cm chụp không quá 03 tháng, có ghi rõ họ tên, ngày sinh, chuyên ngành dự thi ở phía sau ảnh.

Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ:

Phòng Đào tạo Sau đại học (Phòng D003), Trường Đại học Sài Gòn;
Số 273 An Dương Vương, P.3, Q.5, TP. Hồ Chí Minh;
Điện thoại: (028) 38.303.108; Website: http://dtsdh.sgu.edu.vn.

Nơi nhận:
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu;
- Các cơ quan, đơn vị có liên quan;
- Lưu: VP, P. ĐTSĐH.

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân

PHỤ LỤC 1

DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG, NGÀNH PHÙ HỢP VÀ NGÀNH GẦN VỚI CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Đính kèm Thông báo số 3079 /TB-ĐHSG ngày 11 tháng 12 năm 2018 của Trường Đại học Sài Gòn)

Số TT	Chuyên ngành dự thi	Ngành đúng, ngành phù hợp	Các ngành tốt nghiệp đại học gần với chuyên ngành dự thi
1	Quản lý giáo dục	Quản lý giáo dục	- Giáo dục học; - Các ngành đào tạo giáo viên.
2	Tài chính – Ngân hàng	Các ngành Tài chính, Ngân hàng	- Nhóm 1: Quản trị kinh doanh, Marketing, Bất động sản, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Thương mại điện tử, Kinh doanh thời trang và dệt may; Bảo hiểm, Kế toán, Kiểm toán; Khoa học quản lý, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quản lý dự án. - Nhóm 2: Kinh tế, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Thống kê kinh tế, Toán kinh tế.
3	Quản trị kinh doanh	Các ngành về Quản trị kinh doanh	- Marketing, Bất động sản, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Thương mại điện tử, Kinh doanh thời trang và dệt may; - Tài chính-Ngân hàng, Bảo hiểm, Kế toán, Kiểm toán; - Khoa học quản lý, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quan hệ lao động, Quản lý dự án.
4	Toán giải tích	- Toán học; - Sư phạm Toán học.	- Toán học, Khoa học tính toán, Toán ứng dụng, Toán cơ, Toán tin, Thống kê; - Sư phạm Toán tin.
5	LL&PPDH bộ môn Toán	- Sư phạm Toán học; - Toán học (có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm).	Toán học, Toán ứng dụng, Toán cơ, Toán tin, Toán kinh tế, Thống kê.
6	Hóa hữu cơ	- Hóa học; - Sư phạm Hóa học.	- Nhóm 1: Vật lý nguyên tử và hạt nhân, Khoa học vật liệu, Khoa học môi trường; - Nhóm 2: Kỹ thuật hóa học, Công nghệ kỹ thuật hóa học.
8	Lịch sử Việt Nam	- Lịch sử; - Sư phạm Lịch sử.	- Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Hán Nôm, Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học, Văn hóa học, Quản lý văn hoá, Kinh tế chính trị; - Chính trị học, Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, Quản lý nhà nước, Quan hệ quốc tế, Xã hội học, Nhân học; - Quốc tế học, Châu Á học, Thái Bình Dương học, Đông phương học, Trung

Số TT	Chuyên ngành dự thi	Ngành đúng, ngành phù hợp	Các ngành tốt nghiệp đại học gần với chuyên ngành dự thi
			Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Đông Nam Á học, Việt Nam học.
9	Ngôn ngữ học	- Ngôn ngữ học; - Ngữ văn; - Sư phạm Ngữ văn; - Hán – Nôm.	- Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam, Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Văn học, Sáng tác văn học; - Văn hóa học, Quản lí văn hoá, Báo chí, Quản lý nhà nước, Tâm lý học, Quốc tế học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Đông Nam Á học, Việt Nam học; - Các ngành Ngôn ngữ: Anh/Nga/Pháp/Trung Quốc/ Đức/ Tây Ban Nha/Bồ Đào Nha/Italia/Nhật/Hàn Quốc/Jrai/Khmer/ H'mong/Chăm; - Các ngành Sư phạm tiếng Anh/Nga/Pháp/Trung Quốc/Đức/Nhật/Hàn.
10	Văn học Việt Nam	- Ngữ văn, Sư phạm Ngữ văn; - Văn học, Sáng tác Văn học; - Việt Nam học.	- Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Hán Nôm, Ngôn ngữ học; - Văn hóa học, Quản lý văn hoá, Xã hội học và Nhân học, Tâm lý học; - Đông phương học, Đông Nam Á học.
11	Khoa học máy tính	Khoa học máy tính	- Nhóm 1: Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu, Kỹ thuật phần mềm, Hệ thống thông tin, Kỹ thuật máy tính; Công nghệ kỹ thuật máy tính, Công nghệ thông tin, An toàn thông tin; - Nhóm 2: Sư phạm Tin học, Toán tin, Toán ứng dụng, Hệ thống thông tin quản lý, Kỹ thuật điện tử -viễn thông, Công nghệ kỹ thuật điện tử-viễn thông, Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa.

Ghi chú:

- Các ngành gần Nhóm 1 là các ngành cùng nhóm ngành trong Danh mục giáo dục đào tạo Việt Nam cấp III; Các ngành gần Nhóm 2 là các ngành có chương trình đào tạo khác nhau từ 10% đến 40% tổng số tiết học của khối kiến thức ngành.

- Đối với các ngành gần không phân nhóm: ngành gần với ngành LL&PPDH bộ môn Toán thuộc nhóm 2, ngành gần của các ngành còn lại thuộc nhóm 1.

PHỤ LỤC 2

CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG KIẾN THỨC ĐỐI VỚI THÍ SINH TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC NGÀNH GẦN VÀ NGÀNH KHÁC DỰ THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Đính kèm Thông báo số 3079 /TB-ĐHSG ngày 11 tháng 12 năm 2018 của Trường Đại học Sài Gòn)

1. Các học phần bổ sung kiến thức dành cho thí sinh ngành gần với chuyên ngành đăng ký dự thi

STT	Chuyên ngành	Học phần bổ sung	Số tín chỉ
1	Quản lý giáo dục	Quản lý hoạt động dạy học và giáo dục trong cơ sở giáo dục	03
		Đại cương về quản lý và quản lý giáo dục	03
2	Tài chính – Ngân hàng (Các ngành gần Nhóm 1)	Tài chính tiền tệ	02
		Tài chính doanh nghiệp	03
		Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	03
	Tài chính – Ngân hàng (Các ngành gần Nhóm 2)	Tài chính tiền tệ	02
		Tài chính doanh nghiệp	03
		Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	03
		Kinh tế học	03
3	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp	03
		Quản trị chiến lược	02
4	Toán giải tích	Lý thuyết độ đo	02
		Giải tích hàm	03
5	LL&PPDH bộ môn Toán	Lý luận dạy học	03
		Phương pháp dạy học Toán	03
6	Hóa hữu cơ	Hóa hữu cơ 1	03
		Hóa hữu cơ 2	03
		Các phương pháp hóa lý trong phân tích hữu cơ	03
7	Lịch sử Việt Nam	Những vấn đề lịch sử Việt Nam cổ trung đại	03
		Việt Nam trong tiến trình lịch sử cận hiện đại, hội nhập và phát triển	03
		Chế độ ruộng đất Việt Nam trong lịch sử	03
8	Ngôn ngữ học	Ngữ âm – âm vị học	02
		Ngữ pháp	03
		Ngữ nghĩa học	02
		Tiếng Việt thực hành	02

STT	Chuyên ngành	Học phần bổ sung	Số tín chỉ
9	Văn học Việt Nam	Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến giữa thế kỉ XVIII	02
		Văn học Việt Nam từ thế kỉ XVIII đến giữa thế kỉ XIX	02
		Văn học Việt Nam giai đoạn 1900-1945	02
		Văn học Việt Nam giai đoạn 1945-1975	02
		Lý luận văn học (Nguyên lý lý luận văn học, Tác phẩm văn học)	02
		Chủ nghĩa nhân văn trong văn học	02
10	Khoa học máy tính	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	03
		Cơ sở dữ liệu	03
		Cơ sở trí tuệ nhân tạo	03

2. Các học phần bổ sung kiến thức dành cho thí sinh ngành khác với chuyên ngành đăng ký dự thi

STT	Chuyên ngành	Học phần bổ sung	Số tín chỉ
1	Quản lý giáo dục	Tâm lý học đại cương	02
		Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	03
		Giáo dục học đại cương	02
		Quản lý hoạt động dạy học và giáo dục trong cơ sở giáo dục	03
		Đại cương về quản lý và quản lý giáo dục	03
2	Quản trị kinh doanh	Quản trị học căn bản	02
		Marketing căn bản	02
		Kinh tế học	03
		Quản trị doanh nghiệp	03
		Quản trị chiến lược	02

Ghi chú: Trường hợp người dự thi đã học các học phần có nội dung trùng với những học phần thuộc danh sách các học phần bổ sung kiến thức, có số tín chỉ phù hợp và có nhu cầu, Nhà trường sẽ căn cứ vào bảng điểm (nộp bản sao có công chứng, kèm bản gốc để đối chiếu) để xem xét miễn học khi đăng ký học bổ sung kiến thức.

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3079 /TB-ĐHSG

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2018

THÔNG BÁO
Tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ khóa 19.1 năm 2019

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 4798/QĐ-BDGĐT ngày 07/11/2018 và Quyết định số 4911/QĐ-BDGĐT ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho phép Trường Đại học Sài Gòn đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Toán giải tích và ngành Quản lý giáo dục;

Căn cứ Đề án tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2019, ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Trường Đại học Sài Gòn;

Trường Đại học Sài Gòn thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ khóa 19.1 năm 2019 như sau:

1. CÁC CHUYÊN NGÀNH VÀ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH

STT	Chuyên ngành	Mã số	Chỉ tiêu
01	Toán giải tích	9460102	04
02	Quản lý giáo dục	9140114	04

2. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

2.1. Phương thức tuyển sinh: xét tuyển.

Việc xét tuyển nghiên cứu sinh được thực hiện bằng cách đánh giá hồ sơ chuyên môn của ứng viên bằng các hoạt động:

- Thành viên tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh đánh giá phân loại ứng viên thông qua hồ sơ dự tuyển theo Thang điểm đánh giá hồ sơ chuyên môn của ứng viên dự xét tuyển nghiên cứu sinh.

- Ứng viên trình bày về vấn đề dự định nghiên cứu và kế hoạch thực hiện trước tiểu ban xét tuyển nghiên cứu sinh.

- Hội đồng tuyển sinh Nhà trường sẽ căn cứ vào hồ sơ của các tiểu ban và Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo để ra quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

2.2. Thời gian đào tạo: đào tạo theo hình thức chính quy tập trung 3 năm đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ; 4 năm đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp đại học.

3. ĐIỀU KIỆN VÀ HỒ SƠ ĐĂNG KÍ DỰ TUYỂN

3.1. Điều kiện dự tuyển

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên hoặc có bằng thạc sĩ (thuộc danh mục ngành phù hợp được quy định tại Phụ lục 1 đính kèm Thông báo này). Nếu thí sinh đăng kí dự tuyển thuộc trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần (loại giỏi trở lên) thì phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức áp dụng cho thí sinh tốt nghiệp đại học ngành gần dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ tương ứng trong Thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường Đại học Sài Gòn trước khi nộp hồ sơ dự tuyển.

2. Là tác giả 01 bài báo hoặc báo cáo khoa học liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển *(Các tạp chí khoa học và kỷ yếu hội nghị khoa học phải thuộc danh mục được Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước quy định cho ngành liên quan đến ngành đào tạo).*

3. Có đề cương nghiên cứu, trong đó trình bày rõ ràng về hướng nghiên cứu, đề tài hoặc chủ đề nghiên cứu; tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan; mục tiêu, nhiệm vụ và kết quả nghiên cứu dự kiến; kế hoạch học tập và nghiên cứu trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh trong vấn đề hay lĩnh vực dự định nghiên cứu; đề xuất người hướng dẫn.

4. Được ít nhất một (01) nhà khoa học có tên trong danh sách do Trường Đại học Sài Gòn công bố (xem Phụ lục 2 đính kèm) đồng ý nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh (nếu thí sinh trúng tuyển). Trường hợp thí sinh đề nghị người hướng dẫn không có tên trong danh sách do Trường Đại học Sài Gòn công bố, thí sinh phải xin ý kiến của Trường và được Hiệu trưởng chấp thuận trước khi nộp hồ sơ dự tuyển.

5. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:

a) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác;

b) Bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 45 trở lên hoặc Chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.0 trở lên do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

d) Người dự tuyển đáp ứng quy định tại mục a khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại mục b khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có các chứng

chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương theo quy định tại mục c (quy định tại Phụ lục 3 đính kèm) do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển thì phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh);

6. Người dự tuyển là công dân nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài;

7. Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận;

8. Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định của Trường Đại học Sài Gòn;

9. Nộp hồ sơ đầy đủ và đúng thời hạn theo quy định của Trường Đại học Sài Gòn.

Ghi chú:

- Hội đồng tuyển sinh chấp nhận việc sử dụng Giấy chứng nhận tốt nghiệp đại học hoặc thạc sĩ tạm thời khi chưa được cấp bằng tốt nghiệp chính thức. Nếu trúng tuyển, thí sinh phải nộp bản sao văn bằng có công chứng (có bản gốc để đối chiếu).

- Các văn bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ và bảng điểm do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được dịch công chứng sang tiếng Việt và nộp kèm theo văn bản công nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo (xem thông tin về việc đăng ký công nhận văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp tại website: http://cnvb.deta.edu.vn/).

3.2. Hồ sơ đăng kí dự tuyển

3.2.1. Thành phần hồ sơ dự tuyển

a) Đơn xin dự tuyển (theo mẫu); 04 ảnh 3x4 (ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh);

b) Lý lịch khoa học có xác nhận của thủ trưởng cơ quan công tác hoặc chính quyền địa phương nơi ứng viên cư trú (đối với người chưa có việc làm);

c) Bản sao văn bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, bảng điểm, chứng chỉ ngoại ngữ có chứng thực và kèm theo bản chính để đối chiếu (khi nộp hồ sơ);

d) Phiếu điểm học bổ sung kiến thức do Trường Đại học Sài Gòn cấp (nếu thí sinh thuộc diện phải học bổ sung kiến thức);

đ) Minh chứng nghiên cứu khoa học theo quy định (07 bản phô tô các công trình khoa học: trang bìa, mục lục, các trang nội dung bài báo);

e) Xác nhận hoặc minh chứng về thâm niên công tác (nếu có);

- Giấy khám sức khỏe (do bệnh viện đa khoa cấp);

f) Đề cương nghiên cứu (07 bản, theo mẫu);

g) Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu (theo mẫu);

h) Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu có);

i) Giấy đồng ý nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh (nếu thí sinh trúng tuyển);

j) 04 phong bì ghi rõ địa chỉ liên hệ của người dự tuyển nghiên cứu sinh.

3.2.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. THỜI GIAN PHÁT HÀNH VÀ NHẬN HỒ SƠ

4.1. Phát hành và nhận hồ sơ đăng kí xét tuyển

- **Thời gian:** từ ngày **18/12/2018** đến hết ngày **05/3/2019**.

- **Địa điểm:** Phòng Đào tạo Sau đại học, Trường Đại học Sài Gòn.

Ghi chú: Hội đồng tuyển sinh không nhận hồ sơ qua đường bưu điện.

4.2. Lệ phí xử lí hồ sơ và xét tuyển

- **Lệ phí hồ sơ:** 200.000đ/1 hồ sơ.

- **Lệ phí xét tuyển:** 1.500.000đ/1 thí sinh.

5. THỜI GIAN XÉT TUYỂN, CÔNG BỐ KẾT QUẢ VÀ NHẬP HỌC

- **Thời gian xét tuyển:** dự kiến từ ngày 15 tháng 3 đến ngày 20 tháng 3 năm 2019 (thời gian xét tuyển cụ thể của từng chuyên ngành sẽ thông báo sau).

- **Thời gian công bố kết quả:** dự kiến từ ngày 20 đến ngày 31 tháng 3 năm 2019.

- **Thời gian nhập học:** dự kiến tháng 4 năm 2019.

Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ:
Phòng Đào tạo Sau đại học, Trường Đại học Sài Gòn;
Số 273 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh;
Điện thoại: (028) 38.303.108; Website: http://dtsdh.sgu.edu.vn.

Nơi nhận:
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu;
- Các cơ quan, đơn vị có liên quan;
- Trung tâm CNTT (để đăng tải trên website);
- Lưu: VP, P. ĐTSĐH.

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân

PHỤ LỤC 1

DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP VỚI CÁC CHUYÊN NGÀNH XÉT TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

(Đính kèm Thông báo số 3078 /TB-ĐHSG ngày 11 tháng 12 năm 2018 của Trường Đại học Sài Gòn)

STT	Chuyên ngành tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ	Các ngành phù hợp với chuyên ngành được xét tuyển			
		Ngành đúng		Ngành gần	
		Trình độ đại học	Trình độ thạc sĩ	Trình độ đại học	Trình độ thạc sĩ
1	Quản lý giáo dục	Quản lý giáo dục	Quản lý giáo dục	Giáo dục học; Các ngành đào tạo giáo viên.	Giáo dục học; Đo lường và đánh giá trong giáo dục; Giáo dục quốc tế và so sánh; Giáo dục đặc biệt.
2	Toán giải tích	Toán học; Sư phạm Toán học.	Toán giải tích	Khoa học tính toán; Toán ứng dụng; Toán cơ; Toán tin; Thống kê.	Toán học; Phương trình vi phân và tích phân; Đại số và lý thuyết số; Hình học và Tôpô; Lý thuyết xác suất và thống kê toán học; Khoa học tính toán; Cơ sở toán học cho tin học; Toán ứng dụng; Phương pháp toán sơ cấp; Toán tin.

PHỤ LỤC 2

HƯỚNG NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG VIÊN CƠ HỮU ĐỦ ĐIỀU KIỆN HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU SINH

(Đính kèm Thông báo số 3078/TB-ĐHSG ngày 11 tháng 12 năm 2018 của Trường Đại học Sài Gòn)

1. Chuyên ngành Toán giải tích

STT	Họ và tên, chức danh, học vị	Chuyên ngành	Hướng nghiên cứu	Số NCS có thể tiếp nhận
1	PGS.TS. Phạm Hoàng Quân	Toán Giải tích	Bài toán ngược, Phương trình đạo hàm riêng, Giải tích phi tuyến, Giải tích bậc không nguyên.	01
2	TS. Lê Minh Triết	Toán Giải tích	Bài toán ngược, Phương trình đạo hàm riêng, Giải tích phi tuyến, Giải tích bậc không nguyên, Bài toán sinh học.	03
3	TS. Thái Doãn Chương	Toán Giải tích	Giải tích biến phân, Giải tích đa trị, Giải tích lồi, Giải tích không trơn, Lý thuyết tối ưu.	02
4	TS. Tạ Quang Sơn	Toán Giải tích	Giải tích lồi, Giải tích không trơn, Lý thuyết tối ưu.	03
5	TS. Võ Hoàng Hưng	Toán Giải tích	Bài toán ngược, Phương trình đạo hàm riêng, Giải tích phi tuyến, Giải tích bậc không nguyên, Bài toán sinh học.	01

2. Chuyên ngành Quản lý giáo dục

STT	Họ và tên, chức danh, học vị	Chuyên ngành	Hướng nghiên cứu	Số NCS có thể tiếp nhận
1	PGS.TS. Mỵ Giang Sơn	Quản lý giáo dục	- Quản lí các hoạt động giáo dục, dạy học trong cơ sở giáo dục; - Quản lí, phát triển các nguồn lực trong giáo dục và quản lí giáo dục; - Quản lí sự thay đổi trong giáo dục, trong nhà trường.	2

STT	Họ và tên, chức danh, học vị	Chuyên ngành	Hướng nghiên cứu	Số NCS có thể tiếp nhận
2	PGS.TS. Nguyễn Thị Thúy Dung	Tâm lí học	- Quản lí sự thay đổi trong giáo dục, đào tạo; - Quản lí các hoạt động giáo dục, dạy học trong cơ sở giáo dục; - Quản lí hoạt động xây dựng văn hóa nhà trường; - Tạo động lực làm việc trong cơ sở giáo dục; - Phát triển đội ngũ.	2
3	PGS.TS. Lê Khánh Tuấn	Giáo dục học	- Dự báo về quy mô giáo dục, đội ngũ nhà giáo và CBQLGD; - Quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo cấp tỉnh, cấp huyện; - Phát triển nguồn nhân lực trong giáo dục và đào tạo; - Quản lý tài chính giáo dục; - Quản lý cơ sở vật chất – kỹ thuật trong giáo dục và đào tạo.	2
4	TS. Bùi Đức Tú	Quản lý giáo dục	- Quản lý trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp; - Quản lý nhà nước về giáo dục; - Phát triển nguồn nhân lực trong giáo dục và đào tạo.	2
5	TS. Cao Thị Thanh Xuân	Quản lý giáo dục	- Phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý nhà trường; - Quản lý hoạt động giáo dục kỷ năng sống cho học sinh trong nhà trường; - Quản lý hoạt động dạy học trong nhà trường.	2
6	PGS.TS. Võ Văn Lộc	Giáo dục học	- Quản lí các hoạt động giáo dục; - Quản lí hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục; - Tư tưởng Hồ Chí Minh trong giáo dục và quản lí giáo dục.	2

STT	Họ và tên, chức danh, học vị	Chuyên ngành	Hướng nghiên cứu	Số NCS có thể tiếp nhận
7	TS. Lê Chi Lan	Đo lường và đánh giá trong giáo dục	- Văn hóa chất lượng; - Đo lường, kiểm tra, đánh giá; - Quản trị đại học; - Đánh giá năng lực; - Nghiên cứu về tác động của môi trường xã hội đến giáo dục; - Phân tích và đánh giá các vấn đề liên quan đến giáo dục.	2
8	TS. Đỗ Đình Thái	Đo lường và đánh giá trong giáo dục	- Đảm bảo chất lượng giáo dục; - Văn hóa chất lượng trong cơ sở giáo dục; - Đo lường, kiểm tra và đánh giá trong giáo dục; - Đánh giá năng lực người học; - Dạy học tích cực; - Giáo dục tích hợp.	2

PHỤ LỤC 3

BẢNG THAM CHIẾU CÁC CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI

(Đính kèm Thông báo số 3078 /TB-ĐHSG ngày 11 tháng 12 năm 2018 của Trường Đại học Sài Gòn)

STT	Chứng chỉ	Trình độ
1	TOEFL iBT	45 - 93
2	IELTS	5 - 6.5
3	Cambridge examination	CAE 45-59 PET Pass with Distinction
4	CIEP/Alliance française diplomas	TCF B2 DELF B2 Diplôme de Langue
5	Goethe-Institut	Goethe- Zertifikat B2 Zertifikat Deutsch für den Beruf (ZDfB)
6	TestDaF	TDN3- TDN4
7	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4
8	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N2
9	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-2